

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ROYAL HEALTHTECH TTG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2026/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG;
- Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG số 26/2026/BB-HĐQT ngày 28 tháng 08 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty theo các tài liệu đính kèm Nghị quyết này.

Tài liệu họp sau khi được sửa đổi, bổ sung được cập nhật và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <https://hapro.com.vn/category/tin-tuc/quan-he-co-dong/> để cổ đông và các bên có liên quan thuận tiện tra cứu, theo dõi.

Điều 2: Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị thông qua tại Điều 1 Nghị quyết này, bao gồm nhưng không giới hạn việc ký, ban hành và công bố các tài liệu nêu trên; đồng thời thực hiện các công việc cần thiết khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng/Ban và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Thị Huy



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ROYAL HEALTHTECH TTG**

Số: 01/2026/TTr-ĐHĐCDBT

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Danh sách nhà đầu tư dự kiến tham gia đợt chào bán, với các nội dung cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

- Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0901228899 Fax: Không có
- Vốn điều lệ: 34.000.000.000 đồng
- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán: 30.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 5.500.000 cổ phiếu
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế 01 (một) năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
- Tổng số tiền huy động dự kiến: 165.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 161,76%

13. Thời gian chào bán dự kiến: Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Công văn về việc đã nhận được đầy đủ Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty, dự kiến trong Quý 4/2026 đến Quý 1/2027.
14. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ nhằm bổ sung nguồn vốn để nhận chuyển nhượng các bất động sản; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và các hạng mục cần thiết cho các địa điểm kinh doanh dịch vụ spa, qua đó mở rộng quy mô và nâng cao năng lực hoạt động trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Trường hợp Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ thành công thì tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là **165.000.000.000 đồng**, được Công ty sử dụng cho các mục đích sau:

STT	Phương án sử dụng vốn	Giá trị dự kiến sử dụng (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Nhận chuyển nhượng các bất động sản phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty	58.800.000.000	
1.1	<i>Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP 027704</i>	10.100.000.000	Q4/2026 đến Q1/2027
1.2	<i>Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP 027703</i>	8.700.000.000	Q4/2026 đến Q1/2027
1.3	<i>Sản thương mại dịch vụ số TM 304</i>	40.000.000.000	Q4/2026 đến Q1/2027
2	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và các hạng mục cần thiết phục vụ hoạt động của các địa điểm kinh doanh dịch vụ spa	106.200.000.000	Q4/2026 đến Q1/2027
TỔNG		165.000.000.000	

Trên cơ sở nguyên tắc phân bổ nêu trên, phụ thuộc vào số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty để xây dựng Phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán, thứ tự ưu tiên sử dụng vốn và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, Hội đồng quản trị bảo đảm thực hiện tuân thủ theo quy định hiện hành và báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

2. Phương án xử lý trong trường hợp Công ty không huy động đủ nguồn vốn dự kiến từ đợt chào bán cổ phiếu

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp đợt chào bán không huy động đủ nguồn vốn dự kiến theo kế hoạch cho các mục đích nêu trên, Hội đồng quản trị được quyết định các phương án bao gồm nhưng không giới hạn bởi: (i) sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty; (ii) điều chỉnh tiến độ triển khai các mục đích sử dụng vốn; (iii) huy động từ nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; và (iv) nguồn vốn vay/hợp tác đầu tư từ các cá nhân/tổ chức khác để đảm bảo cho các mục đích kinh doanh đã được hoạch định.

IV. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán:

- Các tổ chức hoặc cá nhân là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15; Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các thủ tục xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Nhà đầu tư trong nước có tiềm lực tài chính, có mối quan hệ rộng, có thể đem lại giá trị gia tăng, đồng thời nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường;

Trong trường hợp số lượng cổ phiếu không chào bán hết đúng với số lượng dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục tìm kiếm, đàm phán và quyết định chào bán cho các đối tượng khác (là nhà đầu tư trong nước) tại thời điểm phù hợp với điều kiện không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho các nhà đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị vẫn không tìm được đối tác phù hợp thì tổng số lượng cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư được tính theo số lượng cổ phần thực tế chào bán được.

- 2. Số lượng nhà đầu tư được chào bán:** 12 nhà đầu tư, tất cả là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
- 3. Danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dự kiến tham gia đợt chào bán:**

STT	Tên nhà đầu tư	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối (cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu dự kiến sau đợt chào bán (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt chào bán	Quan hệ với Tổ chức phát hành/Thành viên Hội đồng quản trị/ Ban Tổng Giám đốc
1	Hoàng Thị Yến		-	400.000	400.000	4,49%	Không có
2	Hoàng Văn Đức		11.700	430.000	441.700	4,96%	Không có
3	Nguyễn Thị Phương Liên		5.000	330.000	335.000	3,76%	Không có
4	Nguyễn Duy Hưng		165.000	260.000	425.000	4,78%	Không có
5	Phạm Thị Huy		800.000	2.315.000	3.115.000	35,00%	Chủ tịch HĐQT
6	Lại Khắc Lực		5.700	100.000	105.700	1,19%	Không có
7	Đặng Thị Tho		165.000	277.000	442.000	4,97%	Không có
8	Trần Thị Hà		165.000	277.500	442.500	4,97%	Không có

STT	Tên nhà đầu tư	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối (cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu dự kiến sau đợt chào bán (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt chào bán	Quan hệ với Tổ chức phát hành/Thành viên Hội đồng quản trị/ Ban Tổng Giám đốc
9	Phạm Ngọc Huy		-	396.500	396.500	4,46%	Không có
10	Nguyễn Thị Mai		165.000	277.000	442.000	4,97%	Không có
11	Đỗ Hữu Hạnh		43.700	160.000	203.700	2,29%	Không có
12	Phạm Thị Tuyết		165.000	277.000	442.000	4,97%	Không có
TỔNG			1.691.100	5.500.000	7.191.100	80,80%	

V. NỘI DUNG ỦY QUYỀN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Cụ thể như sau:

- Chủ động lựa chọn thời điểm chào bán cổ phiếu, xây dựng và giải trình hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu gửi cho các cơ quan có thẩm quyền. Trong trường hợp các cơ quan này yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung thì Hội đồng quản trị được phép quyết định sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị/đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền. Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định đối với những nội dung sửa đổi, bổ sung này;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Nghiên cứu, đàm phán và quyết định lựa chọn các Nhà đầu tư (nếu có thay đổi) theo các tiêu chí lựa chọn như trên, bao gồm nhưng không giới hạn về danh sách, số lượng nhà đầu tư, số lượng chứng khoán từng nhà đầu tư được phân phối...;
- Quyết định lựa chọn địa điểm triển khai các cơ sở kinh doanh dịch vụ spa, số lượng địa điểm, quy mô đầu tư và phương án phân bổ vốn cho từng địa điểm, phù hợp với nhu cầu kinh doanh và tình hình thực tế của Công ty;
- Lập, thay đổi phương án chi tiết cho việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán có lợi nhất cho Công ty và cổ đông. Xác định giá trị nguồn vốn ưu tiên phân bổ để thực hiện hạng mục trong trường hợp kết quả chào bán không thu được đủ nguồn vốn như dự kiến; Lựa chọn và quyết định phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán (nếu có);
- Triển khai phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo đúng mục đích chào bán, đảm bảo lợi ích của cổ đông, Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
- Chủ động lựa chọn thời gian triển khai giải ngân; điều chỉnh các nội dung tại phương án sử dụng vốn; mục đích sử dụng vốn; đồng thời công khai nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử chính thức của Công ty và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật;
- Thực hiện thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Tài chính Thành phố Hà Nội trên cơ sở kết quả chào bán thực tế;
- Sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, số lượng cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Công ty sau khi kết thúc đợt chào bán;

- Thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) trên cơ sở kết quả chào bán thực tế;
- Triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu chào bán thêm trên Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCoM) theo quy định trên cơ sở kết quả chào bán thực tế;
- Ngoài các nội dung ủy quyền nêu trên, trong quá trình thực hiện phương án chào bán cổ phiếu, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết khác, bao gồm nhưng không giới hạn việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Phương án này (bao gồm cả các quyết định về nội dung chưa được trình bày trong Phương án) theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế; đảm bảo việc thực hiện Phương án thành công, đảm bảo quyền và lợi ích của Cổ đông, của Công ty và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành;
- Các công việc khác có liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT.

Phạm Thị Huy





DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2026/TTr-DHDCDBT

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt giao dịch nhận chuyển nhượng các bất động sản và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và các hạng mục cần thiết cho các địa điểm kinh doanh dịch vụ spa

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG.

Nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh và tạo cơ sở pháp lý để Công ty triển khai việc nhận chuyển nhượng các bất động sản và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, các hạng mục cần thiết phục vụ hoạt động của các địa điểm kinh doanh dịch vụ spa, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

I. Phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng các bất động sản

- Phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng các bất động sản với thông tin tài sản và giá trị chuyển nhượng dự kiến như sau:

STT	Tài sản	Vị trí trên hồ sơ pháp lý	Diện tích	Giá trị chuyển nhượng dự kiến tối đa (đồng)
1	Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP 027704	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Diện tích đất: 124,0 m ²	10.100.000.000
2	Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP 027703	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Diện tích đất: 105,0 m ²	8.700.000.000
3	Sàn thương mại dịch vụ số TM 304	Tầng 03, nhà chung cư tại số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Diện tích sàn sử dụng: 535,0 m ²	40.000.000.000
TỔNG				58.800.000.000

II. Phê duyệt chủ trương đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và các hạng mục cần thiết cho các địa điểm kinh doanh dịch vụ spa

- Phê duyệt chủ trương đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và các hạng mục cần thiết cho các địa điểm kinh doanh dịch vụ spa, với tổng giá trị đầu tư dự kiến tối đa là **106.200.000.000 đồng**.
- Việc đầu tư được thực hiện phù hợp với nhu cầu thực tế, kế hoạch kinh doanh và bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

III. Phê duyệt giao dịch liên quan

Phê duyệt giao dịch nhận chuyển nhượng các bất động sản giữa Công ty và Bên chuyển nhượng là Người có liên quan của bà Phạm Thị Huy – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành, thông tin như sau:

Bên chuyển nhượng	Mối quan hệ với Người nội bộ	Bất động sản chuyển nhượng	Giá trị chuyển nhượng dự kiến tối đa (đồng)
Phạm Quang Bằng CCCD số:	Anh ruột của bà Phạm Thị Huy – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số DP 027704 tại Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	10.100.000.000
		Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số DP 027703 tại Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.	8.700.000.000
		Sàn thương mại dịch vụ số TM 304 tại Tầng 03, nhà chung cư tại số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	40.000.000.000

(Dự thảo Hợp đồng chuyển nhượng các bất động sản giữa Công ty và Bên chuyển nhượng nêu trên được đính kèm Tờ trình này)

IV. Phê duyệt chủ trương sử dụng các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện giao dịch

1. Phê duyệt chủ trương sử dụng các nguồn vốn hợp pháp của Công ty để thực hiện giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
 - Vốn tự có;
 - Vốn vay từ các tổ chức tín dụng và/hoặc các tổ chức/cá nhân khác;
 - Hợp tác đầu tư hoặc các hình thức huy động vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị chủ động quyết định cơ cấu nguồn vốn, phương án huy động vốn, tiến độ giải ngân và việc điều chỉnh, thay thế nguồn vốn trong từng thời kỳ nhằm bảo đảm hiệu quả đầu tư và lợi ích của Công ty.

V. Nội dung ủy quyền Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và tổ chức thực hiện toàn bộ các công việc liên quan đến giao dịch nhận chuyển nhượng các bất động sản bao gồm nhưng không giới hạn:
 - Đàm phán, quyết định giá chuyển nhượng, phương thức thanh toán, tiến độ thanh toán, đặt cọc, điều kiện giao dịch, điều kiện giải ngân, biện pháp bảo đảm và các nội dung khác của giao dịch;

- Quyết định lựa chọn địa điểm triển khai các cơ sở kinh doanh dịch vụ spa, số lượng địa điểm, quy mô đầu tư và phương án phân bổ vốn cho từng địa điểm, phù hợp với nhu cầu kinh doanh và tình hình thực tế của Công ty;
 - Ký kết, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu liên quan;
 - Quyết định việc sử dụng nguồn vốn, vay vốn, bảo đảm nghĩa vụ (nếu có) để thực hiện giao dịch;
 - Thực hiện các thủ tục đăng ký biến động đất đai, đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, kê khai và nộp các khoản thuế, phí, lệ phí cùng các nghĩa vụ tài chính có liên quan;
 - Thực hiện mọi công việc cần thiết khác để hoàn tất giao dịch theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và tổ chức thực hiện toàn bộ các công việc liên quan đến đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và các hạng mục cần thiết cho các địa điểm kinh doanh dịch vụ spa bao gồm nhưng không giới hạn:
- Quyết định địa điểm, danh mục, số lượng, chủng loại và tiêu chuẩn cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị;
 - Lựa chọn nhà cung cấp, đơn vị thi công; đàm phán và quyết định giá mua, giá trị hợp đồng, phương thức và tiến độ thanh toán, thời gian thực hiện, bảo hành và các điều kiện liên quan;
 - Ký kết, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt các hợp đồng mua bán, thi công, lắp đặt và các tài liệu có liên quan;
 - Điều chỉnh danh mục, cơ cấu và tiến độ đầu tư phù hợp với nhu cầu thực tế, với điều kiện không làm thay đổi mục đích và không vượt quá tổng giá trị đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
 - Thực hiện các công việc cần thiết khác để hoàn tất việc đầu tư theo quy định của pháp luật
3. Hội đồng quản trị được quyền phân công cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền hợp pháp thực hiện các công việc nêu trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Huy





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG
HỢP ĐỒNG MUA BÁN SẢN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

Căn cứ Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ số 304/GREENDIAMOND-HĐMB ký ngày 22/12/2022 giữa Công ty cổ phần Bất động sản VINACONEX và Phạm Ngọc Dung;

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ ngày 07/02/2026 được công chứng bởi công chứng viên Trần Tiểu Linh tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm, thành phố Hà Nội, số công chứng: 1313/2026/CCGD

Hôm nay, ngày....tháng...năm 2026, tại trụ sở Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG, chúng tôi gồm:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG

Họ và tên : Ông PHẠM QUANG BẢNG
Sinh ngày :
CCCD/Hộ chiếu/Số định :
danh cá nhân
Địa chỉ thường trú :
Địa chỉ liên hệ :

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG

Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG
Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 3, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, phường
Đống Đa, thành phố Hà Nội
Mã số doanh nghiệp : 0102737811
Điện thoại : 0901228899 Email: royalhealthtechttg@gmail.com
Đại diện bởi : Bà Phạm Thị Huy
Chức danh : Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)

Theo đó, Bên A, Bên B trong hợp đồng gọi riêng là “Bên”, gọi chung là “các Bên hoặc hai Bên”

Sau khi các bên thỏa thuận, nghiên cứu, thống nhất ký kết hợp đồng với nội dung như sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

1.1. Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ số: 304/GREENDIAMOND ký ngày 22/12/2022 được ký giữa Bên bán là Công ty cổ phần Bất động sản VINACONEX và bên mua là bà Phạm Thị Ngọc Dung và các Phụ lục kèm theo hợp đồng này (sau đây gọi tắt là "hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ")

1.2. Thông tin các bên trong hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ

a) **Thông tin Bên bán:** Công ty cổ phần bất động sản Vinaconex (Mã số doanh nghiệp: 0102343581; địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12 Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thành Nhơn)

b) **Thông tin Bên mua:** Bà Phạm Thị Ngọc Dung, sinh ngày _____, Căn cước công dân số: _____ do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày _____; nơi thường trú tại: _____

- Ngày 03/01/2024, bà Phạm Thị Ngọc Dung và chồng là ông Loo Leong Fatt đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Phương Liên, sinh ngày _____, Căn cước công dân số: _____ do _____ cấp ngày _____; nơi thường trú tại: _____

theo Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ số công chứng 00023, quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Văn phòng công chứng Bùi Bảo Chi, thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 03/01/2024 và được Chủ đầu tư xác nhận theo Văn bản xác nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán của Công ty cổ phần bất động sản Vinaconex ngày 02/02/2024.

- Ngày 07/02/2026, bà Nguyễn Thị Phương Liên chuyển nhượng cho ông Phạm Quang Bằng, sinh ngày _____, Căn cước công dân số _____ do Cục _____, Đăng ký thường trú tại _____ theo Hợp

đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ ngày 07/02/2026 được công chứng bởi công chứng viên Trần Tiểu Linh tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm, thành phố Hà Nội, số công chứng: 1313/2026/CCGD.

1.3. Thông tin về sản thương mại dịch vụ

- Địa chỉ: Sản thương mại dịch vụ số: TM 304 tại tầng 03, thuộc Nhà chung cư tại số 93 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (Nay là số 93 Láng Hạ, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội)

- Diện tích sử dụng thương mại dịch vụ là: **535.00 m²**

1.4. Giá bán:đồng (Bằng chữ:)

- 1.5. **Số tiền đã nộp cho Chủ đầu tư:** 33.304.454.278 đồng (Bằng chữ: ba mươi ba tỷ, ba trăm linh bốn triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng)
- 1.6. **Số tiền còn phải nộp cho Chủ đầu tư:** 1.719.704.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm mười chín triệu bảy trăm linh bốn nghìn đồng Việt Nam)

Các thông tin chi tiết khác liên quan đến sản thương mại dịch vụ được quy định chi tiết tại Điều 2 Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ.

Điều 2. Các hồ sơ, giấy tờ kèm theo

- 2.1. Bên A bàn giao cho Bên B bản gốc và bản sao chứng thực các tài liệu, giấy tờ sau:
- Bản chính Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ số: 304/GREENDIAMOND ký ngày 22/12/2022;
 - Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ số công chứng 000023, quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Văn phòng công chứng Bùi Thảo Chi, thành phố Hà Nội chứng ngày 03/01/2024;
 - Giấy xác nhận về việc thanh toán đến 95% giá bán theo hợp đồng mua bán sản TMDV 304 tại dự án GREEN DIAMOND – 93 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội của Công ty cổ phần Bất động sản VINACONEX ngày 04/02/2026;
 - Giấy xác nhận chưa nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty cổ phần Bất động sản VINACONEX ngày 03/02/2026;
 - Văn bản xác nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán của Công ty cổ phần Bất động sản VINACONEX ngày 02/02/2024;
 - Văn bản xác nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán của Công ty cổ phần Bất động sản VINACONEX ngày .../.../.....
 - Bản chính Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ ngày 07/02/2026 được công chứng với công chứng viên Trần Tiểu Linh tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm, số công chứng: 1313/2026/CCGD.
- 2.2. Thời hạn bàn giao hồ sơ, giấy tờ theo khoản 1 Điều này:
- a) Bên A có trách nhiệm bàn giao cho Bên B các các hồ sơ, giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này ngay sau khi ký kết Hợp đồng này;
 - b) Các bên lập biên bản về việc bàn giao giấy tờ, tài liệu nêu trên. Biên bản bàn giao là bộ phận gắn liền của Hợp đồng chuyển nhượng này. Việc bàn giao giấy tờ do các Bên tự thực hiện.
- 2.3. Bên A chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, có thật, không bị giả mạo đối với các văn bản, tài liệu bàn giao cho Bên B.

Điều 3. Giá chuyển nhượng hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán tiền hợp đồng

- 3.1. **Giá chuyển nhượng hợp đồng là:**đồng (Bằng chữ:). Giá chuyển nhượng đã bao gồm:

- a) Khoản tiền đã trả cho Chủ đầu tư theo hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ cho đến thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng này (có hóa đơn, phiếu thu kèm theo) là: 33.304.454.278 đồng (Bằng chữ: ba mươi ba tỷ, ba trăm linh bốn triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng);
- b) Các khoản tiền khác đã chi trả (có hóa đơn, phiếu thu kèm theo): 0 đồng (Bằng chữ: Không đồng)

3.2. Phương thức thanh toán:

- a) Tiền thanh toán: Là tiền Việt Nam đồng;
- b) Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc hình thức thanh toán khác theo quy định của pháp luật. Việc giao nhận số tiền chuyển nhượng nêu trên do các bên tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3.3. Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi các bên ký hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm nộp thuế, phí, lệ phí

Thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ theo Hợp đồng chuyển nhượng này do Bên B chịu trách nhiệm nộp.

Điều 5. Việc xác nhận hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ

- 5.1. Việc xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ và bàn giao sản thương mại dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.
- 5.2. Văn bản xác nhận việc chuyển nhượng hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ của Chủ đầu tư là cơ sở xác định các Bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ và bộ phận không tách rời của hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ. Bên chuyển nhượng giữ 01 (một) bản chính, bên nhận chuyển nhượng giữ 01 (một) bản chính hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ có xác nhận của Chủ đầu tư.
- 5.3. Kể từ thời điểm hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ có xác nhận của Chủ đầu tư thì:
 - a) Bên A chấm dứt toàn bộ giao dịch với Chủ đầu tư và Bên B sẽ trực tiếp giao dịch với Chủ đầu tư để tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ.
 - b) Toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên A trong Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ và các kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ được chuyển giao cho Bên B; Bên B có trách nhiệm kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên A trong Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ và các kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ của Bên A
 - c) Bên A chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ; Bên B phát sinh toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên mua trong Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ
 - d) Bên B trở thành bên mua trong Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ;

- e) Bên A và Bên B tự chịu trách nhiệm về thực hiện cam kết trong Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng này; Chủ đầu tư không có trách nhiệm pháp lý đối với việc thực hiện các cam kết trong Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng này giữa Bên A và Bên B.

5.4. Bàn giao:

- a) Bên A có trách nhiệm bàn giao cho Bên B các giấy tờ liên quan ngay sau khi ký kết Hợp đồng này và bàn giao trong ngày.
- b) Việc bàn giao phải được các bên lập thành biên bản
- c) Các bên tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm về việc bàn giao và nhận bàn giao theo thỏa thuận.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của hai bên

6.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- a) Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền nhận chuyển nhượng hợp đồng quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này là: Không có tranh chấp, không được sử dụng để cầm cố hoặc thế chấp và chưa chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác bằng bất kỳ hình thức nào.
- c) Giao cho Bên B các tài liệu, giấy tờ quy định tại Điều 2 của hợp đồng này và các giấy tờ liên quan khác theo thỏa thuận.
- d) Cùng với Bên B làm thủ tục chuyển nhượng hợp đồng tại cơ quan, tổ chức, cơ sở theo quy định pháp luật và thủ tục xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng tại Chủ đầu tư;
- e) Cung cấp các giấy tờ, tài liệu cần thiết cho chủ đầu tư để Chủ đầu tư thực hiện việc xác nhận hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng;
- f) Chấm dứt các quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng này;
- g) Nộp phạt vi phạm theo thỏa thuận; bồi thường thiệt hại cho Bên B nếu gây thiệt hại;
- h) Không được đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu các bên không có thỏa thuận về các trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng;
- i) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác quy định trong Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ và theo quy định pháp luật

6.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- a) Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ cho Bên A theo đúng thỏa thuận. Việc thanh toán sẽ được lập thành giấy biên nhận do hai bên ký xác nhận hoặc chứng từ tài chính theo quy định của pháp luật;
- b) Tiếp nhận từ Bên A các tài liệu, giấy tờ quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này và các giấy tờ liên quan khác theo thỏa thuận;

- c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng này;
- d) Cùng với Bên A làm thủ tục chuyển nhượng hợp đồng tại cơ quan, tổ chức, cơ sở theo quy định pháp luật và thủ tục xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng tại Chủ đầu tư;
- e) Cung cấp các giấy tờ, tài liệu cần thiết cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư thực hiện việc xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng;
- f) Nộp phạt vi phạm theo thỏa thuận; bồi thường thiệt hại cho Bên A nếu gây thiệt hại;
- g) Không được đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu các bên không có thỏa thuận về các trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng;
- h) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng và theo quy định pháp luật.

Điều 7. Cam kết của hai bên

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam kết sau đây:

7.1. Bên A cam kết:

- a) Những thông tin về nhân thân, thông tin về Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ đã ghi trong Hợp đồng là đúng sự thật;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này không thuộc diện có tranh chấp, chưa ủy quyền, chưa thể chấp, chưa chuyển nhượng cho người khác hoặc chưa được sử dụng vào bất kỳ giao dịch nào khác;
- c) Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này, Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ không bị kê biên để đảm bảo thi hành án và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo pháp luật;
- d) Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ trong Hợp đồng này thuộc trường hợp được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- e) Không còn giữ bất kỳ loại giấy tờ nào liên quan đến Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ nêu trên;
- f) Toàn bộ những giấy tờ đã xuất trình và bàn giao là bản chính thật và duy nhất, không giả tạo.

7.2. Bên B cam kết:

- a) Những thông tin về tổ chức đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Đã xem xét kỹ, biết rõ Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ và các giấy tờ liên quan nêu tại Điều 2 Hợp đồng này
- c) Bên A và Bên B cùng cam đoan:
 - i) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc, không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ tài sản nào cũng như thực hiện bất kỳ mục đích nào gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác.

- ii) Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này, nếu bên nào vi phạm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả do việc vi phạm gây ra và có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bên kia hoặc người thứ ba (nếu có).

Điều 8. Giải quyết tranh chấp

Trong trường hợp có tranh chấp về các nội dung của hợp đồng này thì các bên ưu tiên giải quyết tranh chấp bằng thương lượng. Trường hợp không thương lượng được trong vòng 30 kể từ ngày phát sinh tranh chấp một bên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài thương mại giải quyết tranh chấp.

Điều 9. Hiệu lực và thực hiện hợp đồng

- 9.1. Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: được ký đầy đủ bởi các bên, được công chứng và được Chủ đầu tư dự án xác nhận việc chuyển nhượng theo Hợp đồng này.
- 9.2. Mọi sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Hợp đồng này chỉ có giá trị khi được hai bên lập thành văn bản có chứng nhận của văn phòng công chứng và chỉ được thực hiện khi Bên B chưa làm thủ tục đăng ký xác nhận của chủ đầu tư.
- 9.3. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này mà không thắc mắc hay khiếu nại gì và đồng ý ký tên vào Hợp đồng này. Sau khi công chứng Hợp đồng này, các bản gốc Hợp đồng này sẽ do Bên A và Bên B nhận và có trách nhiệm trao trả các bên liên quan. Hai bên đã đọc Hợp đồng này và đồng ý, cùng ký tên, điểm chỉ dưới đây để làm bằng chứng.

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG

Phạm Quang Bằng

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Thị Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG
ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
Căn cứ nhu cầu của các Bên;

Hôm nay, ngày....tháng....năm 2026, tại Văn phòng công chứng Đặng Vĩnh Minh, tỉnh Sơn La, chúng tôi gồm:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG:

Họ và tên : Ông **PHẠM QUANG BANG**
Sinh ngày :
CCCD/Hộ chiếu/Số định :
danh cá nhân
Địa chỉ thường trú :

Địa chỉ liên hệ

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG:

Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG**
Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 3, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội
Mã số doanh nghiệp : 0102737811
Điện thoại : 0901228899 Email: royalhealthtechttg@gmail.com
Đại diện bởi : Bà **Phạm Thị Huy**
CCCD/Hộ chiếu/Số định :
danh cá nhân
Chức danh : Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)

Theo đó, Bên A, Bên B trong hợp đồng gọi riêng là “Bên”, gọi chung là “các Bên hoặc hai Bên”

Sau khi các bên thỏa thuận, nghiên cứu, thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với nội dung như sau:

Điều 1. Đối tượng của hợp đồng

Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất và tài sản gắn liền với đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DP 027703, sổ vào sổ cấp GCN: VP 00747 ngày 11/10/2024 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sơn La. Ngày 25/08/2025 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực IX – Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sơn La xác nhận đã chuyển nhượng cho ông Phạm Quang Bằng, CCCD số 022076004738, địa chỉ tại số nhà 1085, Tổ 1, khu Kim Thành, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh, theo hồ sơ số: CN.910./. có thông tin chi tiết như sau:

1.1. Thông tin về thửa đất:

- Thửa đất số: 146, tờ bản đồ số: TĐ 01-2021.
- Diện tích: 105,0 m² (Một trăm linh năm mét vuông).
- Loại đất: Đất ở tại đô thị (ODT)
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Địa chỉ: Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (hiện nay là Tổ dân phố Tâm Châm, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La).
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất.

1.2. Thông tin về nhà ở:

Tên tài sản	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sử dụng (m ²)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà liền kề	83,0 m ²	306,2 m ²	Sở hữu riêng	III	./.

Điều 2. Giá chuyển nhượng và phương thức thanh toán

- Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này được hai bên thỏa thuận là:.....đồng (Bằng chữ.....)
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
- Việc thanh toán số tiền nêu tại khoản 2.1 Điều này do hai bên tự thực hiện và giá chuyển nhượng tại khoản 2.1 Điều này do hai bên cung cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật, việc thanh toán số tiền ngoài sự chứng kiến của công chứng viên.

Điều 3. Việc giao nhận và đăng ký quyền sử dụng đất, đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

- 3.1. Bên A giao cho Bên B quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cùng với giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất theo đúng thời hạn và phương thức hai bên đã thỏa thuận.
- 3.2. Bên B có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; trường hợp thửa đất có biến động, bên A và bên B cùng có trách nhiệm đăng ký biến động về thửa đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Trách nhiệm nộp thuế, lệ phí

Hai bên thỏa thuận tất cả các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng này do Bên B chịu trách nhiệm kê khai và nộp.

Điều 5. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

Điều 6. Cam đoan của các Bên

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

- 6.1. Bên A cam đoan như sau:
 - a) Cam đoan những thông tin về nhân thân như được ghi tại Hợp đồng này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất cứ sai trái nào.
 - b) Cam đoan toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Điều 1 Hợp đồng này thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của Bên A.
 - c) Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên không tham gia bất cứ giao dịch nào khác, không đem cho thuê, chưa cho mượn hay hứa bán, tặng cho hoặc được đặt cọc để mua và không có tranh chấp và không bị kê biên để đảm bảo thi hành án cũng như không bị cấm chuyển dịch bởi quyết định của cơ quan có thẩm quyền hay bị hạn chế chuyển dịch gì;
 - d) Thông tin về Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là chính xác, đã thông báo, trao đổi rõ với Bên B về những ưu điểm, hạn chế và các quyền địa dịch của quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là đối tượng của giao dịch này.
 - e) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay bị ép buộc;
 - f) Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;

- g) Bên A cam đoan đã gửi thông báo về việc bán tài sản cho Bên B cho các bên liên quan đến tài sản theo đúng quy định pháp luật và các bên liên quan (nếu có) đồng ý với việc chuyển nhượng này.
- h) Bên A cam kết kể từ thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực, Bên A từ bỏ mọi quyền lợi và nghĩa vụ đối với toàn bộ vật phụ, phần giá trị công trình, diện tích, cải tạo, đầu tư, xây dựng thêm gắn liền với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên.
- 6.2. Bên B cam đoan như sau:
- a) Cam đoan những thông tin được đề cập trong Hợp đồng này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ sai trái nào.
- b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;
- c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.

Điều 7. Điều khoản cuối cùng

- 7.1. Bản hợp đồng này có hiệu lực ngay sau khi hai bên ký kết và được công chứng. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Hợp đồng này chỉ có giá trị khi hai bên lập thành văn bản, có chứng thực bởi văn phòng công chứng và chỉ được thực hiện khi Bên B chưa đăng ký sang tên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng này.
- 7.2. Khi giao kết hợp đồng, các bên tuân thủ các quy định tại nội dung hợp đồng này và các quy định pháp luật liên quan.
- 7.3. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này mà không thắc mắc hay khiếu nại gì và đồng ý, sau khi công chứng hợp đồng này các bản chính hợp đồng sẽ do bên B nhận và có trách nhiệm trao trả các bên liên quan.

Hai bên đã đọc và được nghe đọc lại hợp đồng và đồng ý, cùng ký tên dưới đây để làm bằng chứng.

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG
(Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG
(Bên B)





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG
ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

Căn cứ nhu cầu của các Bên;

Hôm nay, ngày....tháng...năm 2026, tại Văn phòng công chứng Đặng Vĩnh Minh, tỉnh Sơn La, chúng tôi gồm:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG:

Họ và tên : Ông PHẠM QUANG BANG

Sinh ngày : / /

CCCD/Hộ chiếu/Số định : / /

danh cá nhân : /

Địa chỉ thường trú : /

Địa chỉ liên hệ : /

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG:

Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 3, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, phường Đồng Đa, thành phố Hà Nội

Mã số doanh nghiệp : 0102737811

Điện thoại : 0901228899 Email: royalhealthtechttg@gmail.com

Đại diện bởi : Bà Phạm Thị Huy

CCCD/Hộ chiếu/Số định : / /

danh cá nhân : /

Chức danh : Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)

Theo đó, Bên A, Bên B trong hợp đồng gọi riêng là “Bên”, gọi chung là “các Bên hoặc hai Bên”

Sau khi các bên thỏa thuận, nghiên cứu, thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với nội dung như sau:

Điều 1. Đối tượng của hợp đồng

Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất và tài sản gắn liền với đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DP 027704, số vào sổ cấp GCN: VP 00748 ngày 11/10/2024 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sơn La. Ngày 25/08/2025 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực IX – Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sơn La xác nhận đã chuyển nhượng cho ông Phạm Quang Bằng, CCCD số 022076004738, địa chỉ tại số nhà 1085, Tổ 1, khu Kim Thành, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh, theo hồ sơ số: CN.909./. có thông tin chi tiết như sau:

1.1. Thông tin về thửa đất:

- a) Thửa đất số: 148, tờ bản đồ số: TĐ 01-2021.
- b) Diện tích: 124,0 m² (Một trăm hai mươi tư mét vuông).
- c) Loại đất: Đất ở tại đô thị (ODT)
- d) Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài
- đ) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- e) Địa chỉ: Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (hiện nay là Tổ dân phố Tâm Châu, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La).
- g) Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất.

1.2. Thông tin về nhà ở:

Tên tài sản	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sử dụng (m ²)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà liền kề	96,0 m ²	351,6 m ²	Sở hữu riêng	III	./.

Điều 2. Giá chuyển nhượng và phương thức thanh toán

- 2.1. Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này được hai bên thỏa thuận là:.....đồng (Bằng chữ.....)
- 2.2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
- 2.3. Việc thanh toán số tiền nêu tại khoản 2.1 Điều này do hai bên tự thực hiện và giá chuyển nhượng tại khoản 2.1 Điều này do hai bên cung cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật, việc thanh toán số tiền ngoài sự chứng kiến của công chứng viên.

Điều 3. Việc giao nhận và đăng ký quyền sử dụng đất, đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

- 3.1. Bên A giao cho Bên B quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cùng với giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất theo đúng thời hạn và phương thức hai bên đã thỏa thuận.
- 3.2. Bên B có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; trường hợp thửa đất có biến động, bên A và bên B cùng có trách nhiệm đăng ký biến động về thửa đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Trách nhiệm nộp thuế, lệ phí

Hai bên thỏa thuận tất cả các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng này do Bên B chịu trách nhiệm kê khai và nộp.

Điều 5. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

Điều 6. Cam đoan của các Bên

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

- 6.1. Bên A cam đoan như sau:
- a) Cam đoan những thông tin về nhân thân như được ghi tại Hợp đồng này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất cứ sai trái nào.
 - b) Cam đoan toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Điều 1 Hợp đồng này thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của Bên A.
 - c) Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên không tham gia bất cứ giao dịch nào khác, không đem cho thuê, chưa cho mượn hay hứa bán, tặng cho hoặc được đặt cọc để mua và không có tranh chấp và không bị kê biên để đảm bảo thi hành án cũng như không bị cấm chuyển dịch bởi quyết định của cơ quan có thẩm quyền hay bị hạn chế chuyển dịch gì;
 - d) Thông tin về Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là chính xác, đã thông báo, trao đổi rõ với Bên B về những ưu điểm, hạn chế và các quyền địa dịch của quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là đối tượng của giao dịch này.
 - e) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay bị ép buộc;
 - f) Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;

- g) Bên A cam đoan đã gửi thông báo về việc bán tài sản cho Bên B cho các bên liên quan đến tài sản theo đúng quy định pháp luật và các bên liên quan (nếu có) đồng ý với việc chuyển nhượng này.
- h) Bên A cam kết kể từ thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực, Bên A từ bỏ mọi quyền lợi và nghĩa vụ đối với toàn bộ vật phụ, phần giá trị công trình, diện tích, cải tạo, đầu tư, xây dựng thêm gắn liền với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên.
- 6.2. Bên B cam đoan như sau:
- a) Cam đoan những thông tin được đề cập trong Hợp đồng này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ sai trái nào.
- b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;
- c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.

Điều 7. Điều khoản cuối cùng

- 7.1. Bản hợp đồng này có hiệu lực ngay sau khi hai bên ký kết và được công chứng. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Hợp đồng này chỉ có giá trị khi hai bên lập thành văn bản, có chứng thực bởi văn phòng công chứng và chỉ được thực hiện khi Bên B chưa đăng ký sang tên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng này.
- 7.2. Khi giao kết hợp đồng, các bên tuân thủ các quy định tại nội dung hợp đồng này và các quy định pháp luật liên quan.
- 7.3. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này mà không thắc mắc hay khiếu nại gì và đồng ý, sau khi công chứng hợp đồng này các bên chính hợp đồng sẽ do bên B nhận và có trách nhiệm trao trả các bên liên quan.

Hai bên đã đọc và được nghe đọc lại hợp đồng và đồng ý, cùng ký tên dưới đây để làm bằng chứng.

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG
(Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG
(Bên B)





CÔNG TY CỔ PHẦN
ROYAL HEALTHTECH TTG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2026/TTr-ĐHĐCĐBT

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc miễn chào mua công khai đối với Bà Phạm Thị Huy -
Chủ tịch Hội đồng quản trị trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG.

Theo Danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dự kiến tham gia đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tại Tờ trình số 01/2026/TTr-ĐHĐCĐBT, bà Phạm Thị Huy – Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty – dự kiến mua cổ phiếu trong đợt chào bán.

Thông tin về số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của bà Phạm Thị Huy và Người có liên quan trước và sau đợt chào bán dự kiến như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu trước đợt chào bán	Số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối	Số lượng cổ phiếu dự kiến sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt chào bán	Mối quan hệ với Tổ chức phát hành, TV HĐQT, Ban TGD
1	Phạm Thị Huy	800.000	23,53%	2.315.000	3.115.000	35,00%	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện pháp luật
Người liên quan:							
	Phạm Quang Bằng	15.600	0,46%	-	15.600	0,18%	Anh ruột của bà Phạm Thị Huy – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
TỔNG		815.600	23,99%	2.315.000	3.130.600	35,18%	

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt các nội dung sau:

- Thông qua việc miễn thực hiện thủ tục chào mua công khai đối với bà Phạm Thị Huy khi mua số cổ phiếu dự kiến được phân phối trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ nêu trên.
- Bà Phạm Thị Huy và các cổ đông có lợi ích liên quan đến nội dung nêu tại Tờ trình này không tham gia biểu quyết.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Huy





Số: 04/2026/TT-ĐHĐCĐBT

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2023/NQ-ĐHCD ngày 09/11/2023;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 13/10/2025 về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/06/2026;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung của Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được kiểm toán, cụ thể như sau:

1. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN:

- 1.1. Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần May Thanh Tri
- 1.2. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- 1.3. Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phiếu
- 1.4. Số lượng chứng khoán đã chào bán: 1.400.000 cổ phiếu
- 1.5. Tổng vốn/số tiền đã huy động: 14.000.000.000 đồng

Trong đó phần vốn/ số tiền huy động cho dự án (trường hợp sử dụng vốn để thực hiện dự án): Không có

- 1.6. Ngày kết thúc đợt chào bán: 20/08/2024

2. TIẾN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG (trước đây là Công ty Cổ phần May Thanh Tri) đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2024, với tổng số tiền thu được là **14.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Mười bốn tỷ đồng).

Tiến độ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ nêu trên đã được Công ty báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 theo Tờ trình số 09/2026/TT-HĐQT ngày 01/06/2026 và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/06/2026.



Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua toàn văn Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được kiểm toán nêu trên. Báo cáo này được đính kèm Tờ trình và được Công ty công bố trong bộ tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông để Quý Cổ đông nghiên cứu, xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình./.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Phạm Thị Huy



CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG

**Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ
(theo Công văn số 4533/UBCK-QLCB ngày 22/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán
Nhà nước thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ) đến ngày 31/12/2025
(Đã được kiểm toán)**

Hà Nội, tháng 08 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ ĐẾN NGÀY 31/12/2025	5 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ	8 - 9

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG (được đổi tên từ Công ty Cổ phần May Thanh Trì từ ngày 22/06/2026, gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ (theo Công văn số 4533/UBCK-QLCB ngày 22/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ) đến ngày 31/12/2025 (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ").

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn báo cáo và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Phạm Thị Huy	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01/06/2026) - Người đại diện theo pháp luật
Ông Đặng Anh Tuấn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01/06/2026)
Ông Shang Haihui	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/06/2026)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/06/2026)
Bà Tạ Thanh Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/06/2026)
Ông Situ Yaowei	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 01/06/2026)
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/06/2026)
Ông Lý Nam Ninh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/06/2026)
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/06/2026)
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 01/06/2026)

Ban Giám đốc

Bà Tạ Thanh Phương	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2026)
Ông Lý Nam Ninh	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/06/2026)
	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2026)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Công văn số 4533/UBCK-QLCB ngày 22/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ. Trong việc lập báo cáo này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 trong bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- Lựa chọn chính sách lập và trình bày tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ một cách thích hợp và áp dụng nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm và đảm bảo rằng việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, phương án phát hành phê duyệt bởi Nghị quyết Hội đồng quản trị, tuân thủ Luật chứng khoán, các yêu cầu công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc,



Phạm Thị Huy
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Số: 188 /2026/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ (theo Công văn số 4533/UBCK-QLCB ngày 22/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ) đến ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG và bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ kèm theo (sau đây gọi chung là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ"), được lập ngày 26/08/2026 và được trình bày từ trang số 5 đến trang số 9.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 trong bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, tuân thủ quy định của Luật chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp. Đồng thời, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ (theo Công văn số 4533/UBCK-QLCB ngày 22/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ) đến ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG, phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 trong bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp.

Cơ sở lập báo cáo và giới hạn đối tượng nhận và sử dụng báo cáo

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 tại bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trong đó mô tả cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ: Báo cáo được sử dụng để đáp ứng các yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước, cổ đông và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành về chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Vì vậy, Báo cáo có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.



Đoàn Thu Hằng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Tạ Thị Thắm
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3676-2025-055-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN
THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ
 (Theo Công văn số 4533/UBCK-QLCB ngày 22/07/2024 của
 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty Cổ phần May Thanh Trì (đổi tên thành Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG kể từ ngày 22/06/2026)
 2. Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1 - CN3, cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội
 3. Điện thoại: 0901228899
Fax: 04. 8615390
Website: <http://hapro.com.vn>
 4. Vốn điều lệ: 34.000.000.000 đồng (ba mươi tư tỷ đồng)
 5. Mã cổ phiếu: TTG
 6. Nơi mở tài khoản thanh toán:
Số hiệu tài khoản: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội 0021000002385
 7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0102737811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/04/2008 và cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 10/12/2025.
- | | | |
|------------------------------|---|-----------------|
| Ngành nghề kinh doanh chính: | <u>Tên ngành, nghề kinh doanh</u> | <u>Mã ngành</u> |
| | Hoàn thiện sản phẩm dệt | 1313 |
| | <i>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sản xuất các mặt hàng dệt</i> | |
| | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép | 4641 |
| Sản phẩm, dịch vụ chính: | Gia công hàng may mặc | |

II. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN

1. Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần May Thanh Trì
2. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu
4. Số lượng chứng khoán đã chào bán: 1.400.000 cổ phiếu
Số lượng chứng khoán chào bán thành công: 1.400.000 cổ phiếu
5. Tổng vốn đã huy động: 14.000.000.000 đồng (mười bốn tỷ đồng), trong đó phần vốn huy động cho dự án: 0 đồng, Công ty không huy động vốn để thực hiện dự án.
6. Ngày kết thúc đợt chào bán: 20/08/2024
Ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán: 27/08/2024

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Phương án sử dụng vốn

a. Phương án sử dụng vốn khi công bố phát hành cổ phiếu riêng lẻ

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2024/NQ-HĐQT ngày 06/05/2024 thông qua việc điều chỉnh, bổ sung nội dung phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

STT	Phương án sử dụng	Số tiền sử dụng dự kiến (VND)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Thanh toán khoản nợ với cơ quan quản lý Nhà nước (nợ tiền BHXH)	3.400.000.000	Trong Quý III/2024
2	Thanh toán tiền lương lao động (<i>chi phí tiền lương của CBNV, lao động trong 3 tháng Quý III/2024</i>)	4.300.000.000	Trong Quý III/2024
3	Bổ sung nguồn vốn để tiến hành nâng cấp, cải tạo nhà xưởng sản xuất	4.000.000.000	Trong Quý III/2024
4	Thanh toán chi phí tiền thuê mặt bằng (<i>từ tháng 04/2024-04/2025</i>)	2.300.000.000	Trong Quý III/2024
	Tổng cộng	14.000.000.000	

b. Phương án sử dụng vốn điều chỉnh

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 13/10/2025 thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

STT	Phương án sử dụng	Số tiền sử dụng dự kiến (VND)	Thời gian giải ngân dự kiến	Ghi chú
1	Thanh toán khoản nợ với cơ quan quản lý Nhà nước (nợ tiền BHXH)	3.400.000.000	Trong Quý III/2024	Không thay đổi
2	Thanh toán tiền lương lao động (<i>chi phí tiền lương của CBNV, lao động trong 3 tháng Quý III/2024</i>)	4.300.000.000	Trong Quý III/2024	Không thay đổi
3	Thanh toán tiền lương lao động (<i>chi phí tiền lương của CBNV, lao động Quý III + Quý IV/2025</i>)	4.000.000.000	Quý III - Quý IV/2025	
4	Thanh toán chi phí tiền thuê mặt bằng (<i>từ tháng 9/2024 - tháng 9/2025</i>)	2.300.000.000	Quý III/2024 - Quý III/2025	
	Tổng cộng	14.000.000.000		

- Những thay đổi: Thay đổi nội dung phương án sử dụng và thời gian giải ngân dự kiến.
- Lý do thay đổi:
 - Do không thống nhất được việc thay đổi chủng loại hàng hóa và điều chỉnh đơn giá Hợp đồng (theo đề nghị của bên cung cấp) nên không thể tiến hành việc nâng cấp, cải tạo nhà xưởng sản xuất như phương án đã thông qua. Đồng thời, Công ty thắt chặt công tác quản lý chi phí, loại bỏ các khâu trung gian, giảm lãng phí trong sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nên tổng quỹ lương hàng tháng của Công ty đã giảm đáng kể so với kế hoạch ban đầu. Do đó, Công ty kiến nghị dùng nguồn vốn để thanh toán tiền lương lao động trong Quý III và Quý IV/2025.
 - Do phải thanh toán tiền thuê mặt bằng trước ngày 15/04/2024 (theo Hợp đồng thuê kho số 05.04/2024/HĐTK ngày 05/04/2024), Công ty đã phải dùng nguồn vốn khác để ứng trước tiền thuê kho từ tháng 04/2024 đến tháng 08/2024. Đến ngày 20/08/2024, Công ty mới hoàn thành xong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và sử dụng nguồn vốn đó để thanh toán tiền thuê kho từ tháng 09/2024 đến tháng 04/2025. Công ty điều chỉnh phương án thanh toán chi phí thuê mặt bằng từ tháng 09/2024 đến tháng 09/2025.

2. Thông tin về tiến độ dự án của tổ chức phát hành (trường hợp sử dụng vốn để thực hiện dự án): Công ty không huy động vốn để thực hiện dự án.

- Tiến độ dự án theo kế hoạch đã công bố: Không áp dụng.
- Tiến độ dự án hiện tại: Không áp dụng

3. Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đến ngày 31/12/2025:

STT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền sử dụng dự kiến (VND)	Số tiền đã giải ngân (VND)	Thời gian giải ngân
1.	Thanh toán khoản nợ với cơ quan quản lý Nhà nước (nợ tiền BHXH)	3.400.000.000	3.400.000.000	Tháng 8/2024
2.	Thanh toán tiền lương lao động (chi phí tiền lương của CBNV, lao động trong 3 tháng Quý III/2024)	4.300.000.000	4.300.000.000	Tháng 8/2024 - Tháng 10/2024
3.	Thanh toán tiền lương lao động (chi phí tiền lương của CBNV, lao động Quý III + Quý IV/2025)	4.000.000.000	4.000.000.000	Tháng 8/2025 - Tháng 11/2025
4.	Thanh toán chi phí tiền thuê mặt bằng (từ tháng 9/2024 - tháng 9/2025)	2.300.000.000	2.300.000.000	Tháng 8/2024 - Tháng 7/2025
	Tổng cộng	14.000.000.000	14.000.000.000	

- Những thay đổi: Không có.

- Lý do thay đổi: Không có.

4. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ được công bố thông tin: tại website <https://hapro.com.vn/> theo quy định của pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Người lập



Ngô Thị Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Thị Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty Cổ phần May Thanh Trì từ ngày 22/06/2026. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103024083 ngày 24/04/2008 và Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần 10 ngày 22/06/2026.

Vốn điều lệ của Công ty là 34.000.000.000 đồng, tương ứng 3.400.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn giao dịch các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) với mã chứng khoán là TTG.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 3, tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất như sau:

- Dịch vụ spa và xông hơi;
- Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp và các hoạt động làm đẹp khác;
- Buôn bán thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung chất dinh dưỡng;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, kho bãi; kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất các mặt hàng dệt;
- Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

2.1. Mục đích sử dụng báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đến ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Royal Healthtech được trình bày tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; được lập cho mục đích công bố thông tin về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo được sử dụng để đáp ứng các yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước, cổ đông của Công ty và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành về chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Vì vậy, Báo cáo có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

2.2. Cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty được lập dựa trên các hồ sơ pháp lý; tài liệu, hồ sơ, chứng từ kế toán; các số liệu phản ánh trên sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty cho đến ngày lập báo cáo này; tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán cũng như các quy định pháp lý có liên quan. Trong đó:

- Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ được lập trên cơ sở số tiền thực chi, theo nguyên tắc giá gốc.
- Số tiền chi từ nguồn vốn huy động từ đợt chào bán được ghi nhận theo số tiền giải ngân thực tế theo phương án sử dụng vốn.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam ("VND").

CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

Không có sự kiện trọng yếu nào nào phát sinh sau ngày 31/12/2025 cần được điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Người lập



Ngô Thị Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Thị Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2026/TTr-ĐHĐCĐBT

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Chấp thuận đơn từ nhiệm, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thông qua Quy chế bầu cử và Danh sách ứng cử viên bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG;
- Phiếu ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Chấp thuận đơn từ nhiệm của Ông Situ Yaowei

- Ngày 23/7/2026, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được Đơn từ nhiệm của ông Situ Yaowei - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán nhiệm kỳ 2026 - 2031, với lý do cá nhân.
- Trên cơ sở Đơn từ nhiệm nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận việc ông Situ Yaowei từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán nhiệm kỳ 2026 - 2031, có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Thông qua việc Bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Quy chế bầu cử và Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị

2.1. Thông qua việc Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

Việc từ nhiệm nêu trên dẫn đến số lượng thành viên Hội đồng quản trị hiện tại không còn đáp ứng số lượng thành viên theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty. Do đó, nhằm bảo đảm cơ cấu, số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu 01 (một) Thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2026 - 2031.

2.2. Thông qua Quy chế bầu cử và Danh sách ứng cử viên bầu Thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Toàn văn Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị đính kèm Tờ trình này;
- Danh sách ứng cử viên bầu Thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở hồ sơ ứng cử, đề cử hợp lệ được đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung nêu trên.



Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ

THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: **Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG**

Tên tổ chức/cá nhân: **Phạm Thị Huy**

CCCD/ĐKKD số:
xã hội

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Họ và tên Người đại diện theo pháp luật đối với cổ đông là tổ chức:

Hiện đang sở hữu/đại diện: 800.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 23,5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tôi/Chúng tôi đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG cho Tôi/Chúng tôi:

1. TỰ ỨNG CỬ VÀO:

☐ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. ĐỀ CỬ CÁ NHÂN VÀO:

☒ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên người được ứng cử/ đề cử: **Chu Thị Tuyên**

CCCD số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



Phạm Thị Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026
Ha Noi, day 04 month 09 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CURRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
To: - The State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange (HNX).

1. Họ và tên: **Chu Thị Tuyền** Full name: Chu Thi Tuyen
2. Giới tính: **Nữ** Sex: Female
3. Ngày tháng năm sinh: Date of birth:
4. Nơi sinh: Place of birth:
5. Số CCCD | ID card No.: Ngày cấp | Date of issue:
Nơi cấp: Place of issue: Police Department for Administrative Management of Social Order
6. Quốc tịch: **Việt Nam** Nationality: Vietnamese
7. Dân tộc: **Kinh** Ethnic:
8. Địa chỉ thường trú: Permanent residence:
9. Số điện thoại | Telephone number:
10. Email: chuthituyenkt@gmail.com
11. Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG
Organisation's name subject to information disclosure rules: Royal Healthtech TTG Joint Stock Company
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Không có
Current position in an organization subject to information disclosure: None
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Positions in other companies:
+ Phó Giám Đốc – Công ty TNHH Đầu tư quốc tế Vân Minh Hải
Deputy Director – Van Minh Hai international investment company limited
14. Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:
Number of owning shares: 0 share, accounting for 0% of charter capital, of which:
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu | Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ/0 share, accounting for 0% of charter capital
+ Cá nhân sở hữu | Owning by Individual: 0 cổ phiếu/ 0 share, chiếm 0% vốn điều lệ/ accounting for 0% of charter capital
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có) | Other owning commitments (if any): Không có/ None
16. Danh sách người có liên quan của người khai¹:
List of affiliated persons of declarant:

¹ Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.
Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

STT	Mã chứng khoán	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty / người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty / người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty / người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relations hip with the company / internal person	Type of documents (ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	NSH No.	Date of issue	Place of issue	Address / Head office address	Number of shares owned at the end of the period	Percent age of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/internal person	Time the person ceased to be an affiliated person /internal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	TTG	Chu Thị Tuyển										0%				
1.1	TTG	Chu Văn Tứ			Bố đẻ Father						6	0,00%				
1.2	TTG	Nguyễn Thị Hiền			Mẹ đẻ Mother						0	0,00%				
1.3	TTG	Phạm Ngọc Nam			Chồng Husband						0	0,00%				
1.4	TTG	Phạm Ngọc Khánh Ly			Con đẻ Child						0	0,00%				

STT	Mã chứng khoán	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty / người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty / người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty / người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relations hip with the company / internal person	Type of documents (ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	NSH No.	Date of issue	Place of issue	Address / Head office address	Number of shares owned at the end of the period	Percent age of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/internal person	Time the person ceased to be an affiliated person /internal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1.5	TTG	Phạm Ngọc Tuệ Lâm			Con đẻ Child						0	0,00%				
1.6	TTG	Chu Văn Toàn			Anh trai Older brother						0	0,00%				
1.7	TTG	Bùi Thị Thực Anh			Chị dâu Older sister-in-law						0	0,00%				
1.8	TTG	Chau Văn Tuyến			Em trai Younger brother						0	0,00%				
1.9	TTG	Bùi Thị Phượng			Em dâu Younger sister-in-law						0	0,00%				
1.10	TTG	Công ty TNHH Đầu tư quốc tế Văn Minh Hải			Tổ chức có liên quan Related Organization	Giấy CN ĐKKD Enterprise Registration Certificate	0102316588	20/08/2025	Sở Tài Chính thành phố Hà Nội Hà Nội Department of Finance	Số 7, ngõ 93 đường Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội No. 7, Alley 93, Tran Thai Tong, Hanoi	0	0,00%				Phó Giám đốc Deputy Director

STT	Mã chứng khoán	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty / người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty / người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty / người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company / internal person	Type of documents (ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	NSH No.	Date of issue	Place of issue	Address / Head office address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/internal person	Time the person ceased to be an affiliated person /internal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

Street, Cầu Giấy,
Ward, Hanoi City

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) | *Related interest with public company, public fund (if any): Không có/ None*

18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) | *Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không có/ None*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.

NGƯỜI KHAI | DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên) | *(Signature, full name)*



Chu Thị Tuyền



CÔNG TY CỔ PHẦN

ROYAL HEALTHTECH TTG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2026/TT-ĐHĐCĐBT

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thay đổi ngành nghề kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG.

Căn cứ vào định hướng phát triển Công ty trong giai đoạn tới, nhằm tối ưu hóa các nguồn lực sẵn có và nắm bắt các cơ hội đầu tư tiềm năng, Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét và thông qua các nội dung sau:

1. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh Công ty

HĐQT đề xuất sửa đổi chi tiết các ngành, nghề kinh doanh vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Mã ngành	Nội dung trước khi sửa đổi	Nội dung chi tiết sau sửa đổi
1	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Ngoại trừ hàng hóa tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ
2	4722	Bán lẻ thực phẩm	Bán lẻ thực phẩm Ngoại trừ hàng hóa tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ



2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh Công ty

HDQT đề xuất bỏ ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	6390	Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác

3. Ủy quyền thực hiện

Nhằm đảm bảo tính chủ động và kịp thời trong quá trình làm việc với cơ quan chức năng, kính đề nghị ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HDQT:

- Tiếp tục nghiên cứu và xây dựng danh mục ngành nghề nêu trên dựa vào nhu cầu vận hành thực tế của Công ty và tình hình thực tế khi làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Nộp hồ sơ và điều chỉnh hồ sơ (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Trực tiếp ký kết các hồ sơ, tài liệu và thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết tại Sở Tài chính để hoàn tất việc thay đổi;
- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản tương ứng trong Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, và các văn bản khác có liên quan sau khi cập nhật thay đổi, bổ sung, loại bỏ ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Huy





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2026/TT-ĐHĐCĐBT

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Ban hành Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty
và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;
- Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg được Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 09 năm 2025;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG ("**Công ty**").

Nhằm cập nhật các quy định mới của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời hoàn thiện cơ chế tổ chức, quản trị và điều hành, bảo đảm các văn bản quản trị nội bộ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

- Thông qua toàn văn Điều lệ Công ty (đính kèm văn bản này);
- Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty (đính kèm văn bản này);
- Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (đính kèm văn bản này);
- Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - Hoàn thiện nội dung, hình thức và các vấn đề kỹ thuật của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Cập nhật ngành, nghề kinh doanh, mã ngành và các nội dung có liên quan trong Điều lệ Công ty, phù hợp với nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua và yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - Thực hiện việc ký, ban hành các văn bản nêu trên và tổ chức thực hiện các thủ tục đăng ký, thông báo, công bố thông tin và các thủ tục pháp lý có liên quan theo quy định của pháp luật.



Kính trình Đại hội xem xét biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm Thị Huy





ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp	7
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 17. Thay đổi các quyền	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	16
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 17	
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	21
Điều 28. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	23
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	24
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	25
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	25
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	25
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	25
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	26
CHƯƠNG IX: ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	26
Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	26
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	27
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	27
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	27
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	28
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	28
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	29
CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	29
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	29
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	30
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	30
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	31
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	31
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	31
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	31
Điều 47. Năm tài chính	31
Điều 48. Chế độ kế toán	31

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	32
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	32
Điều 50. Báo cáo thường niên	32
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	32
Điều 51. Kiểm toán	32
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	32
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	32
CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY	33
Điều 53. Giải thể công ty	33
Điều 54. Gia hạn hoạt động	33
Điều 55. Thanh lý	33
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	33
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	33
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	34
Điều 57. Điều lệ công ty	34
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC	34
Điều 58. Ngày hiệu lực	34

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG số 01/2026/ĐHĐCDBT ngày 04 tháng 09 năm 2026

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **Vốn điều lệ** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. **Vốn có quyền biểu quyết** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. **Luật doanh nghiệp** là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- d. **Luật chứng khoán** là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- e. **Nghị định 155/2020/NĐ-CP** là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- f. **Việt Nam** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- g. **Ngày thành lập** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- h. **Người điều hành doanh nghiệp** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- i. **Người quản lý doanh nghiệp** là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- j. **Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
- k. **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l. **Cổ đông sáng lập** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m. **Cổ đông lớn** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
- n. **Thời hạn hoạt động** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

- o. **Sở giao dịch chứng khoán** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 - Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

- Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ROYAL HEALTHTECH TTG JOINT STOCK COMPANY
 - Tên Công ty viết tắt: ROYAL HEALTHTECH TTG., JSC
- Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- Trụ sở chính của Công ty là: Tầng 3, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0901 228 899

Số Fax: 04.8615390

Thư điện tử: royalhealthtechttg@gmail.com

Thông tin liên hệ của Công ty, bao gồm số điện thoại, fax, email và website, được xác định theo thông tin Công ty công bố tại từng thời điểm và có thể được thay đổi theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Tổng Giám đốc;

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp. Việc phân công, phân định phạm vi đại diện, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể của từng Người đại diện theo pháp luật (nếu có) được thực hiện theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty được quy định cụ thể tại Phụ lục đính kèm Điều lệ này. Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động và giá trị doanh nghiệp nhằm tối đa hóa lợi ích hợp pháp cho Cổ đông. Đồng thời, Công ty bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, quan tâm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Người lao động và có trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 34.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi bốn tỷ đồng*)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.400.000 (*Bằng chữ: Ba triệu bốn trăm*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (*nếu có*). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. Trường hợp chứng khoán được phát hành, đăng ký và quản lý dưới hình thức dữ liệu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật thì thực hiện theo quy định của pháp luật và phương án phát hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ủy ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết thông qua dịch vụ bưu phẩm bảo đảm đến địa chỉ của Công ty theo thông tin ghi trong Thông báo mời họp.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- c. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

Trường hợp Công ty là công ty niêm yết, Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải bao gồm hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về hoạt động của Ủy ban kiểm toán và kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật;

- d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - e. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - i. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
 - q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoại trừ các vấn đề phải được thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp, các vấn đề sau đây được thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết, trừ các nội dung pháp luật quy định không được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Việc đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông
Hồ sơ, thông tin liên quan đến các ứng cử viên được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:
 - Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
 - Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
 - Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.
 - b. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
 - Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
 - Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.
- c. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty;
 - r. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
 - s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:
- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành

viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị

quyết định có tối thiểu là hai (02) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

- Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.
- Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự các cuộc họp;
 - Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

- Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

- Người điều hành doanh nghiệp bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do

Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX: ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
- c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
- d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp Luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo

Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
7. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày kết thúc năm tài chính nêu trên.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;

Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải tranh chấp quyết.

- 2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
- 3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

- 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện, nội dung sửa đổi, bổ sung phải nằm trong phạm vi ủy quyền và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

- 1. Bản Điều lệ này gồm hai mươi một (21) chương, năm mươi tám (58) điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật.
- 2. Điều lệ được lập thành bảy (07) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phạm Thị Huy

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Danh sách các ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Điều lệ này như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	9622	Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp và các hoạt động làm đẹp khác
2	9623 (Chính)	Dịch vụ spa và xông hơi
3	7212	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
4	5829	Xuất bản phần mềm khác
5	6220	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính
6	4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung chất dinh dưỡng (Khoản 23, Điều 2 Luật an toàn thực phẩm 2010, sửa đổi bổ sung 2018)
7	6310	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan Chi tiết: Cung cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ dữ liệu
8	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Ngoại trừ hàng hóa tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ</i>
9	9510	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông
10	9621	Dịch vụ làm tóc
11	8620	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
12	8699	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền (không có bệnh nhân lưu trú)
13	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)
14	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) (Trừ hợp báo)
15	4772	Bán lẻ thực phẩm

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
		<i>Ngoại trừ hàng hóa tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ</i>
16	4722	Bán lẻ thực phẩm
17	5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Dịch vụ trông giữ phương tiện: ô tô, xe máy, xe đạp
18	7020	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)
19	7499	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
20	7740	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính
21	1313	Hoàn thiện sản phẩm dệt Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sản xuất các mặt hàng dệt
22	1410	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
23	4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép
24	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, kho, bến bãi đỗ xe, siêu thị - Kinh doanh bất động sản
25	6821	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 61, 62 – Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023)
26	6829	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 66, 67 – Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023)

**PHỤ LỤC: CĂN CỨ BAN HÀNH, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG**

STT	NỘI DUNG	LẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ BAN HÀNH
1	Điều lệ	Lần đầu	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 04 tháng 09 năm 2026





QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 3. Hội đồng quản trị.....	6
Điều 4. Tổng Giám Đốc.....	9
Điều 5. Các hoạt động khác	10
Điều 6. Hiệu lực thi hành	12

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và những người liên quan.
3. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt:
 - a. "**Công ty**" được hiểu là Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG;
 - b. "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
 - c. "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
 - d. "**Nghị định 155/2020/NĐ-CP**" là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
 - e. "**Điều lệ công ty**" là Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG;
 - f. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là các cá nhân giữ chức danh điều hành khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

- g. **"Người quản lý doanh nghiệp"** là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- h. **"Người có liên quan"** là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
- i. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này, trừ những từ ngữ quy định tại Điều này. Các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty;
- b. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- c. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- d. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- e. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- f. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;
- g. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông Điểm a Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty;
- h. Điều kiện tiến hành được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty;
- i. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- j. Cách thức bỏ phiếu:

Mỗi thẻ biểu quyết chỉ được thực hiện một trong ba nội dung sau: tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ biểu quyết theo mẫu quy định do Công ty phát cho cổ đông khi đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

Khi kết thúc phiên bỏ phiếu thẻ biểu quyết được thu theo từng vấn đề cần biểu quyết, nếu còn thẻ biểu quyết của cổ đông hoặc người được ủy quyền nào chưa nộp (do vắng mặt tại thời điểm thu thẻ biểu quyết hoặc do có mặt tại thời điểm thu thẻ biểu quyết nhưng không nộp) được xem là thẻ biểu quyết tán thành hợp lệ.

k. Cách thức kiểm phiếu:

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số lượng thành viên của Ban kiểm phiếu không quá ba (03) người.

Sổ thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, sổ thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

Việc kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu phải được thực hiện độc lập và trung thực. Những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản phải ghi rõ các nội dung sau:

- i. Tổng số phiếu biểu quyết phát ra, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần.
 - ii. Tổng số phiếu thu vào, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần.
 - iii. Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề xin ý kiến phải ghi rõ:
 - Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án tán thành, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án không tán thành, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án không có ý kiến, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - iv. Biên bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên tham gia việc kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu.
- l. Điều kiện để nghị quyết được thông qua được quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty;
 - m. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 - n. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
 - o. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 1 Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty;
 - p. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản được quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ công ty;
- b. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:

- a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội, xác thực tư cách tham dự và truy cập hệ thống theo hướng dẫn của Công ty hoặc đơn vị được Công ty chỉ định cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội trực tuyến;

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông được yêu cầu cung cấp thông tin (địa chỉ email, số điện thoại, ảnh chụp hoặc scan giấy tờ tùy thân, một bức ảnh chân dung để hệ thống đánh giá mức độ trùng khớp với ảnh trên giấy tờ) và các tài liệu cần thiết để xác minh danh tính và tư cách tham dự; trường hợp cổ đông không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ theo yêu cầu thì Công ty có quyền từ chối quyền truy cập hoặc quyền biểu quyết cho đến khi việc xác thực hoàn tất.

- c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty và hướng dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
- d. Điều kiện tiến hành được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty. Trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật hoặc các tình huống khách quan ảnh hưởng đến việc tham dự hoặc biểu quyết của cổ đông, Chủ tọa Đại hội quyết định biện pháp xử lý phù hợp nhằm bảo đảm việc tổ chức Đại hội được tiến hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- e. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện theo Quy chế biểu quyết được ban hành bởi đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
- g. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến đảm bảo quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều này và Quy chế biểu quyết được ban hành bởi đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
- h. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 1 Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty;
- j. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

- a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cổ đông thực hiện các thủ tục đăng ký dự họp và xác thực danh tính theo hướng dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;

Cổ đông được yêu cầu cung cấp địa chỉ email, số điện thoại, ảnh chụp hoặc scan giấy tờ tùy thân, một bức ảnh chân dung để hệ thống đánh giá mức độ trùng khớp với ảnh trên giấy tờ;
- c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty và hướng dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
- d. Điều kiện tiến hành được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty;

- e. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện theo Quy chế biểu quyết được ban hành bởi đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
- g. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến đảm bảo quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều này và Quy chế biểu quyết được ban hành bởi đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
- h. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 1 Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty;
- j. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty và Điều 159 Luật doanh nghiệp.
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 26 Điều lệ công ty;
 - b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 4 Điều 25 và Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 26 Điều lệ công ty;
 - c. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty;
 - d. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:
 - i. Quy định về thẻ/phiếu bầu cử:
 - Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông có một thẻ/phiếu bầu cử;
 - Thẻ/phiếu bầu cử phải có đóng dấu Công ty, họ và tên của cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết, số phiếu bầu và danh sách ứng viên.
 - ii. Phương thức bầu:
 - Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.
 - Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

- iii. Cách thức kiểm phiếu: Sau khi Đại hội đồng cổ đông tiến hành bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu có sự giám sát của đại diện cổ đông và báo cáo cho Chủ tọa công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông.
- e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:
- i. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 275 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP, và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- ii. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp quy định trên đây.
- iii. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp;
 - Trừ hai trường hợp trên đây, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
- f. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- g. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:
- Hồ sơ ứng viên thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:
- Văn bản đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty;
 - Bản cung cấp thông tin của người ứng cử/đề cử theo mẫu quy định tại Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
- h. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị Chủ tịch Hội đồng quản trị áp dụng theo Điều 29 Điều lệ công ty.
3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.
4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:
- a. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường;

- b. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường được quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - c. Thông báo họp Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - d. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 8 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - e. Cách thức biểu quyết được quy định tại Khoản 9 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - f. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 12 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - g. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - h. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp;
 - i. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị được xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp;
 - j. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
5. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị
- a. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều 38 Điều lệ công ty;
 - b. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán:
 - i. Nhiệm kỳ thành viên Ủy ban kiểm toán không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - ii. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên.
 - iii. Tiêu chuẩn thành viên Ủy ban kiểm toán được quy định tại Khoản 01 điều 161 Luật doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
 - iv. Cơ cấu của Ủy ban kiểm toán
 - Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành
 - v. Ứng cử, đề cử, thành viên Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty;
 - c. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều 39 và Điều 40 Điều lệ công ty.
6. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Hội đồng quản trị thành lập và ban hành quy chế hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), gồm các nội dung chính sau đây:
- a. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban;
 - b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:
 - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
 - Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

- c. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:
- a. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty: Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp;
 - c. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định hiện hành về pháp luật lao động;
 - d. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - e. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty.

Điều 4. Tổng Giám Đốc

- 1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc được quy định tại Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc:
 - a. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc:
 - i. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - ii. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc:
 - Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
 - b. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám Đốc thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty;
 - c. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám Đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc;
 - d. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám Đốc: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám Đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám Đốc mới thay thế;
 - e. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - f. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc thực hiện theo Điều 34 Điều lệ công ty.

Điều 5. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

- a. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc được quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp và các nội dung sau đây:
 - Cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc đồng thời là cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị;
 - Nội dung cuộc họp định kỳ hàng quý bao gồm: báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả đạt được, những vấn đề tồn tại cần khắc phục và các vấn đề phát sinh cần giải quyết khác (nếu có) của Công ty;
 - Hội đồng quản trị cũng có thể tổ chức họp bất thường giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc vào những thời điểm khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
 - Thời gian, địa điểm, thông báo mời họp, nội dung, chương trình họp, các tài liệu có liên quan và các vấn đề khác được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

- b. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám Đốc

Trong vòng một (01) ngày kể từ ngày được ban hành, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được thông báo cho Tổng Giám Đốc để tổ chức thực hiện.

- c. Các trường hợp Tổng Giám Đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ công ty;
- d. Báo cáo của Tổng Giám Đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: Tổng Giám Đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi Hội đồng quản trị. Việc báo cáo phải được duy trì định kỳ hàng quý và hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị;
- e. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám Đốc: Hàng quý, Hội đồng quản trị kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các nội dung ủy quyền cho Tổng Giám Đốc thực hiện hoặc tổ chức thực hiện;
- f. Các vấn đề Tổng Giám Đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị:

Tổng Giám Đốc hoặc người được Tổng Giám Đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị trong thời hạn một (01) giờ, kể từ khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau:

- Tài khoản bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Có quyết định khởi tố đối với các cán bộ quản lý cấp cao; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế.

Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút phê và các phương tiện khác trong việc gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc

- g. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và các người điều hành Doanh nghiệp khác:

a. Đánh giá hoạt động

i. Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá Hội đồng quản trị kết hợp với đánh giá hoạt động các Tiểu ban (nếu có) và đánh giá từng thành viên Hội đồng quản trị. Việc đánh giá được thực hiện một (01) lần/năm;
- Việc đánh giá được thực hiện thông qua việc tổ chức một cuộc họp đặc biệt của Hội đồng quản trị để đánh giá công tác của Hội đồng quản trị và dành thời gian trong một cuộc họp thường kỳ để thực hiện việc đánh giá. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bảo mật;
- Việc đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện thông qua: Tự đánh giá bởi bản thân thành viên Hội đồng quản trị; và Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên Hội đồng quản trị với sự phối hợp của một bên thứ ba. Bên thứ ba có thể là cố vấn pháp lý hoặc một nhà đầu tư chuyên nghiệp được quyết định tại từng thời điểm.

ii. Tổng Giám Đốc và các Người điều hành doanh nghiệp khác:

- Hội đồng quản trị xây dựng các tiêu chuẩn và đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là Tổng Giám Đốc và các Người điều hành doanh nghiệp khác.
- Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của các nhân sự Bộ máy quản lý với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được phân loại theo lĩnh vực như bên có quyền lợi liên quan, quy trình hoạt động và tính hiệu quả, tăng trưởng nội bộ và quản lý tri thức.
- Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn có thể ủy quyền cho Tổng Giám Đốc thực hiện đánh giá các Người điều hành doanh nghiệp khác.
- Việc đánh giá này được thực hiện theo hai (02) giai đoạn: cá nhân tự đánh giá và quản lý trực tiếp đánh giá. Đối với Người điều hành doanh nghiệp khác, Hội đồng quản trị còn dựa vào kết quả đánh giá giám sát của Tổng Giám Đốc.

b. Khen thưởng

- Thù lao và tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo mức tổng thù lao đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Tiền thưởng của Tổng Giám Đốc và người điều hành khác được trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi hoặc quỹ thưởng hiệu quả kinh doanh của Công ty, do Hội đồng quản trị quyết định dựa trên kết quả thực tế từng năm.

c. Kỷ luật

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, hoặc gây ra thiệt hại cho Công ty do hành vi tư lợi, vượt quá thẩm quyền thì phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Chế tài áp dụng:
 - + Đối với Tổng Giám Đốc và người điều hành: Hội đồng quản trị có quyền đình chỉ chức vụ tạm thời hoặc cách chức ngay lập tức nếu phát hiện vi phạm nghiêm trọng quy chế quản trị, gây tổn hại đến uy tín/tài sản của công ty mà không cần đợi đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.
 - + Đối với thành viên Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có quyền ghi nhận vi phạm, báo cáo bằng văn bản trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất để xem xét bỏ phiếu bãi nhiệm, miễn nhiệm tư cách thành viên.
- 3. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị Công ty và người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác được thực hiện theo Quy chế quản lý phần vốn và người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Bản Quy chế này gồm bảy (07) điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật.

Các sửa đổi, bổ sung Quy chế (nếu có) được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị nội bộ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Thị Huy

**PHỤ LỤC: CĂN CỨ BAN HÀNH, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG**

STT	NỘI DUNG	LẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ BAN HÀNH
1	Quy chế nội bộ về quản trị công ty	Lần đầu	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 04 tháng 09 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG

MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	7
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	8
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	9
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	9
CHƯƠNG IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	10
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	11
CHƯƠNG V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	12
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	12
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	12
CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	13
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	13
Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán.....	13
CHƯƠNG VII HIỆU LỰC.....	13
Điều 23. Hiệu lực thi hành	13

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt:
 - a. **"Công ty"** được hiểu là Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG;
 - b. **"Luật doanh nghiệp"** là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
 - c. **"Luật chứng khoán"** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
 - d. **"Nghị định 155/2020/NĐ-CP"** là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
 - e. **"Điều lệ công ty"** là Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG;

- f. **"Người điều hành doanh nghiệp"** là các chức danh điều hành theo quy định của Điều lệ công ty;
- g. **"Người quản lý doanh nghiệp"** là các chức danh quản lý theo quy định tại Điều lệ công ty;
- h. **"Người có liên quan"** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
- i. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này, trừ những từ ngữ quy định tại Điều này. Các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Khi Công ty trở thành công ty niêm yết theo quy định của pháp luật, từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến mười một (11) thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các

tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều lệ công ty kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tỷ lệ quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
- 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
- 4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp;

- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - r. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty;
 - s. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng

quản trị quyết định có tối thiểu là hai (02) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán.
2. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
 - Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

- Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII HIỆU LỰC

Điều 23. Hiệu lực thi hành

- Bản Quy chế này gồm bảy (07) chương, hai mươi ba (23) điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật.

2. Các sửa đổi, bổ sung Quy chế (nếu có) được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và phù hợp với quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Thị Huy

**PHỤ LỤC: CĂN CỨ BAN HÀNH, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG**

STT	NỘI DUNG	LẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ BAN HÀNH
1	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	Lần đầu	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/NQ-DHĐCĐBT ngày 04 tháng 09 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN
ROYAL
HEALTHTECH TTG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2026/TTr-ĐHĐCĐBT

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: điều chỉnh giá trị thanh lý đối với tài sản cố định
không còn phù hợp với định hướng kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;
- Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg được Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 09 năm 2025;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG ("**Công ty**").

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua chủ trương thanh lý các khoản đầu tư và Tài Sản Cố Định không còn phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty. Theo đó, đối với Tài Sản Cố Định, giá trị thanh lý được xác định không thấp hơn giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 nhưng tối thiểu 3.000.000.000 đồng.

Trong quá trình rà soát và triển khai, Hội đồng quản trị nhận thấy việc xác định mức giá thanh lý tối thiểu cố định nêu trên có thể hạn chế khả năng xử lý từng Tài Sản Cố Định theo tình trạng thực tế, giá trị ghi nhận trên sổ sách và điều kiện thị trường tại thời điểm thanh lý. Do đó, nhằm tạo cơ sở phù hợp hơn cho việc tổ chức thanh lý tài sản, đồng thời bảo đảm giá trị tài sản của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

- Điều chỉnh nguyên tắc xác định giá thanh lý Tài Sản Cố Định đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

Nội dung	Theo nội dung đã được thông qua	Nội dung điều chỉnh
Tài Sản Cố Định	Không thấp hơn giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 nhưng tối thiểu 3.000.000.000 đồng	Không thấp hơn giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025

2. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thanh lý, lựa chọn đối tác, phương thức thanh lý, giá thanh lý cụ thể và các điều kiện giao dịch có liên quan trên cơ sở bảo đảm nội dung nêu trên;
3. Các nội dung khác đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/06/2026 không được điều chỉnh tại Tờ trình này tiếp tục giữ nguyên hiệu lực.

Kính trình Đại hội xem xét biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm Thị Huy



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026****CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG**

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

PHIẾU BIỂU QUYẾT

- Họ và tên Cổ đông/Người đại diện cổ đông:

- Số thứ tự của Cổ đông:

- Số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu:

CHỮ KÝ CỔ ĐÔNG/NGƯỜI
ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG:

STT	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	TÁN THÀNH	KHÔNG TÁN THÀNH	KHÔNG Ý KIẾN
1	Tờ trình số 01/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	☐	☐	☐
2	Tờ trình số 02/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Phê duyệt giao dịch nhận chuyển nhượng các bất động sản và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và các hạng mục cần thiết cho các địa điểm kinh doanh dịch vụ spa.	☐	☐	☐
3	Tờ trình số 03/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Thông qua việc miễn chào mua công khai đối với Bà Phạm Thị Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	☐	☐	☐
4	Tờ trình số 04/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được kiểm toán.	☐	☐	☐
5	Tờ trình số 05/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Chấp thuận đơn từ nhiệm, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thông qua Quy chế bầu cử và Danh sách ứng cử viên bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031.	☐	☐	☐
6	Tờ trình số 06/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Thay đổi ngành nghề kinh doanh.	☐	☐	☐
7	Tờ trình số 07/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Ban hành Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	☐	☐	☐
8	Tờ trình số 08/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc điều chỉnh giá trị thanh lý đối với tài sản cố định không còn phù hợp với định hướng kinh doanh	☐	☐	☐

Lưu ý:

- Cổ đông chỉ được lựa chọn **MỘT** phương án biểu quyết cho mỗi nội dung;
- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu **"X"** hoặc **"V"** vào ô lựa chọn;
- Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến thì khoanh tròn ô đã lựa chọn và đánh dấu **"X"** hoặc **"V"** vào ô lựa chọn mới;
- Trường hợp cổ đông chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn ấy.



CÔNG TY CỔ PHẦN

ROYAL HEALTHTECH TTG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ROYAL HEALTHTECH TTG

Thời gian: 07h30, Thứ 6, ngày 04 tháng 9 năm 2026

Địa điểm: Tầng 3, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN
I	KHAI MẠC ĐẠI HỘI	
1	Đón tiếp đại biểu, cổ đông, kiểm tra thủ tục, phát tài liệu	7h30 - 8h00
2	Tuyên bố lý do đại hội, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự	8h00-8h15
3	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	8h15-8h30
4	ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua: - Thành phần Đoàn Chủ tịch; - Ban Kiểm tra tư cách cổ đông; - Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu; - Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc của Đại hội.	8h30-8h45
II	PHẦN NGHỊ SỰ	
	Đoàn Chủ tịch trình ĐHĐCĐ các vấn đề cần biểu quyết thông qua:	8h45-9h15
(1)	Tờ trình số 01/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	
(1)	Tờ trình số 02/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Phê duyệt giao dịch nhận chuyển nhượng các bất động sản và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và các hạng mục cần thiết cho các địa điểm kinh doanh dịch vụ spa.	
(2)	Tờ trình số 03/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Thông qua miễn chào mua công khai đối với Bà Phạm Thị Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	
(3)	Tờ trình số 04/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được kiểm toán.	
(4)	Tờ trình số 05/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Chấp thuận đơn từ nhiệm, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thông qua Quy chế bầu cử và	



STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN
	Danh sách ứng cử viên bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031.	
(5)	Tờ trình số 06/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Thay đổi ngành nghề kinh doanh	
(6)	Tờ trình số 07/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc Ban hành Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	
(7)	Tờ trình số 08/2026/TTr-ĐHĐCĐBT về việc điều chỉnh giá trị thanh lý đối với tài sản cố định không còn phù hợp với định hướng kinh doanh	
III BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ CỦA ĐẠI HỘI		
1	Cổ đông đặt câu hỏi - Đoàn chủ tịch trả lời	9h15-9h30
2	Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung xin ý kiến	9h30-9h45
3	Đại hội tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị	9h45-10h00
IV	GIẢI LAO	10h00-10h15
V CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ		
1	Công bố kết quả biểu quyết và bầu cử	10h15-10h25
2	Thành viên Hội đồng quản trị được bầu cử ra mắt Đại hội	10h25-10h30
VII KẾT THÚC ĐẠI HỘI		
1	Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội	10h30-10h45
2	Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội	10h40-11h00





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

DỰ THẢO

QUY CHẾ BẦU CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*(Quy chế này được đính kèm theo Tờ trình số 05/2026/TTr-DHĐCĐBT
tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026)*

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG.

Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG ban hành Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và giải thích từ ngữ

1. Đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026;

Quy chế này áp dụng đối với toàn bộ cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

- Công ty: Công ty Cổ phần Royal Healthtech TTG;
- Đại hội: Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

1. Bầu cử đúng Luật, đúng Điều lệ, đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
2. Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp.

Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị

Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, Điều lệ Công ty và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

Điều 4. Danh sách, hồ sơ ứng cử viên và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Danh sách và hồ sơ ứng cử viên bầu Thành viên Hội đồng quản trị được lập trên cơ sở hồ sơ ứng cử, đề cử hợp lệ của cổ đông, nhóm cổ đông và được đính kèm Tờ trình số 05/2026/TTr-DHĐCĐBT;

Thông tin liên quan đến các ứng cử viên được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông công bố trực tiếp đến các cổ đông tại phiên họp;

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị 2026 - 2031.

Điều 5. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị được bầu là: 01 (một) người.

Điều 6. Phương thức bầu cử

1. Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu;
2. Đối với việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị: Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và/hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng quản trị;
3. Cổ đông có quyền dồn toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, nhưng tổng số phiếu bầu phân bổ cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu mà cổ đông có quyền sử dụng.

Điều 7. Phiếu bầu cử

1. Cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành bầu cử thông qua bỏ phiếu trực tiếp.
2. Các phiếu bầu sau đây được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và/hoặc được ủy quyền);
 - Phiếu bầu không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào của Hội đồng quản trị;
 - Phiếu không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty;
 - Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

Điều 8. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa/Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - + Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết, bầu cử tại Đại hội;
 - + Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử;
 - + Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu

- Việc tiến hành bỏ phiếu được diễn ra trong thời gian quy định theo Chương trình họp và điều hành của Chủ tọa Đại hội;
- Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội tiến hành bỏ phiếu trực tiếp.

3. Nguyên tắc kiểm phiếu:

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp dựa trên kết quả ghi nhận của cổ đông tham dự trực tiếp và bỏ phiếu trực tiếp.

Điều 9. Nguyên tắc trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị

Ứng cử viên trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên mà Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Vì số lượng Thành viên Hội đồng quản trị được bầu là 01 (một) người, trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để xác định người trúng cử.

Điều 10. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu bầu cử

Sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu bầu cử. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu bầu cử và kết quả bầu cử phải được công bố công khai tại Đại hội trước khi Đại hội kết thúc.

Điều 11. Giải quyết khiếu nại

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Hiệu lực Quy chế

Quy chế này gồm 12 (mười hai) Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có giá trị ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Phạm Thị Huy



**PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THEO PHƯƠNG THỨC BẦU DỖN PHIẾU**

1. Loại phiếu bầu

- Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị;

2. Bỏ phiếu

- Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị được bỏ vào thùng phiếu niêm phong.

3. Ghi phiếu bầu

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.
- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng cử viên, hoặc dồn toàn bộ phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

Một số ví dụ minh họa

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 01 thành viên Hội đồng quản trị trong tổng số 10 ứng cử viên.

Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$1.000 \text{ cổ phần} \times 1 = \mathbf{1.000 \text{ phiếu bầu.}}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều số phiếu bầu của mình cho 10 ứng cử viên

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu phân bố
Ứng cử viên 1	100
Ứng cử viên 2	100
Ứng cử viên 3	100
Ứng cử viên 4	100
Ứng cử viên 5	100

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu phân bố
Ứng cử viên 6	100
Ứng cử viên 7	100
Ứng cử viên 8	100
Ứng cử viên 9	100
Ứng cử viên 10	100

Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn toàn bộ 1.000 phiếu bầu của mình cho 1 ứng cử viên

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu phân bổ
Ứng cử viên 1	0
Ứng cử viên 2	1.000
Ứng cử viên 3	0
Ứng cử viên 4	0
Ứng cử viên 5	0

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu phân bổ
Ứng cử viên 6	0
Ứng cử viên 7	0
Ứng cử viên 8	0
Ứng cử viên 9	0
Ứng cử viên 10	0

Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ 1.000 phiếu bầu của mình cho một số ứng cử viên

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu phân bổ
Ứng cử viên 1	300
Ứng cử viên 2	200
Ứng cử viên 3	0
Ứng cử viên 4	0
Ứng cử viên 5	0

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu phân bổ
Ứng cử viên 6	400
Ứng cử viên 7	0
Ứng cử viên 8	100
Ứng cử viên 9	0
Ứng cử viên 10	0

4. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và/hoặc được ủy quyền);
- Phiếu bầu không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào của Hội đồng quản trị;
- Phiếu không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

Trường hợp 4: Phiếu bầu không hợp lệ do vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ.

Trong trường hợp này, Cổ đông Nguyễn Văn A đã bỏ đến 2.000 phiếu, lớn hơn tổng số phiếu bầu được biểu quyết của cổ đông này đang nắm giữ (1.000 phiếu)

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu phân bổ
Ứng cử viên 1	700
Ứng cử viên 2	300
Ứng cử viên 3	0

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu phân bổ
Ứng cử viên 6	1.000
Ứng cử viên 7	0
Ứng cử viên 8	0

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu phân bố
Ứng cử viên 4	0
Ứng cử viên 5	0

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu phân bố
Ứng cử viên 9	0
Ứng cử viên 10	0

- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử.



Nghị quyết này theo đúng quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành Công ty.

Nơi nhận:

- TV.HĐQT;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Phạm Thị Huy

